

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Ông Đoàn Anh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 668/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1985; nơi thường trú: 163 tổ F, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang- Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1985; nơi thường trú: Tổ E, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Ô 8B DC 06 đường D khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D kết hôn với ông Lê Tuấn A trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2007, ngày 12/6/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống bà D và ông Tuấn A bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn hay cãi vã, vợ chồng sống không hạnh phúc. Bà D và ông Tuấn A đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân

không thể hàn gắn được do vậy bà D đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Tuấn A.

+ Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Tuấn A có 02 con chung là Lê Nguyễn Khả T, sinh ngày 01/6/2008 và Lê Ngọc Phương T1, sinh ngày 18/11/2020. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản xác minh ngày 08/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An do Công an phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương cung cấp thể hiện bị đơn ông Lê Tuấn A có cư trú tại địa chỉ Ô đường D khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Tuấn A xác lập mối quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56/2007, ngày 12/6/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Tuấn A với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Tuấn A không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Do tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Tuấn A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc ly hôn với ông Lê Tuấn A.

[4.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Nguyễn Khả T, sinh ngày 01/6/2008 và Lê Ngọc Phương T1, sinh ngày 18/11/2020. Xét cháu T và cháu T1 là con gái do vậy cần phải giao con cho mẹ để đảm bảo cho sự phát triển tốt về tâm sinh lý của trẻ. Tại Bản tự khai ngày 19/11/2024 cháu Khả T trình bày nguyện vọng được sống cùng mẹ. Đồng thời, quá trình tố tụng ông Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên cần thiết giao 02 con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, đúng với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con.

[4.3] Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Mỹ D không yêu cầu ông Lê Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng nên ghi nhận.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ D đối với ông Lê Tuấn A về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với ông Lê Tuấn A.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Khả T, sinh ngày 01/6/2008 và Lê Ngọc Phương T1, sinh ngày 18/11/2020 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mỹ D không yêu cầu ông Lê Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002928 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THA thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Huy Cường